

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN CỦA HÓA CHẤT

1. Định danh sản phẩm và công ty

1.1. Định danh sản phẩm

Tên sản phẩm:

**Product Name: Polywater®
Solar Panel Wash**

ID của sản phẩm: SPW-1L, SPW-5L, SPW-20L

SPW-XXX (Trong đó XXX là mã lô)

1.2. Công dụng chính có liên quan của hợp chất trong sản phẩm và chống chỉ định

Công dụng: Chất tẩy rửa gốc nước

Chống chỉ định: Không áp dụng.

1.3. Chi tiết về nhà cung cấp bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất

Nhà cung cấp/nhà sản xuất:

American Polywater Corporation

11222 - 60th Street North
Stillwater, MN 55082, Hoa Kỳ
ĐT: 1-651-430-2270
Email: sds@polywater.com

The Green Equipment Co., Ltd

816/1 Trường Sa, P. 14
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 938509026
Email: admin@thegreen-e.co

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

INFOTRAC: 1-800-535-5053 (Hoa Kỳ) 1-352-323-3500 (INT'L)
Việt Nam: 0938509026

2. Định danh chất nguy hiểm

2.1. Phân loại chất và hợp chất

Phân loại dựa trên tiêu chuẩn: **USA OSHA 29 CFR 1910.1200 (2012) và Canada HPR (SOR / 2015-17; WHMIS 2015).**

Gây kích ứng mắt mức 2 H320

2.2. Chú thích thành phần trong biểu tượng cảnh báo

Chứa thành phần: Cồn etoxyl hóa

Hình mô tả cảnh báo: Không có

Chữ cảnh báo: Warning

Mã chất độc:

H320

Gây kích ứng mắt

Mã thông báo phòng ngừa:

P305 + P351 + P338

NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút.

Tháo kính áp tròng (nếu có) để dễ thao tác và tiếp tục rửa.

P337 + P313

Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng, tìm ngay đến bác sĩ.

2.3. Các chất gây hại khác:

Không có thông tin.

3. Thành phần/Thông tin về các chất cấu thành.

Thành phần

CAS #

EC #

Wt. %

4. Biện pháp sơ cứu**4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu**

Tiếp xúc với mắt: Rửa mắt với thật nhiều nước trong 15 phút. Nếu vẫn tiếp tục kích ứng, hãy tìm đến bác sĩ.

Tiếp xúc với da: Nếu da bị kích ứng, hãy rửa kỹ vùng da đó bằng xà phòng và nước. Nếu vẫn tiếp tục kích ứng, hãy tìm đến bác sĩ.

Phế quản: Không cần sơ cứu. Không ảnh hưởng đường hô hấp.

Thực quản: Không cần sơ cứu. Nếu khó chịu, hãy tìm đến bác sĩ.

4.2. Các triệu chứng quan trọng và ảnh hưởng, gồm cả cấp tính và biểu hiện chậm

Ngoài thông tin ở trên, không có triệu chứng và ảnh hưởng nào được phỏng đoán.

4.3. Chỉ định được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt.

Không có thông tin.

5. Biện pháp phòng cháy chữa cháy**5.1. Phương tiện chữa cháy**

Không áp dụng.

5.2. Các nguy cơ đặc biệt phát sinh của hóa chất trong hỗn hợp

Sự phân hủy thành chất nguy hiểm và sản phẩm phụ:

Khi ở nhiệt độ cao, có thể sinh ra CO₂ và CO.

5.3. Khuyến cáo khi chữa cháy

Ở nhiệt độ cao, các loại vật chứa đều có áp suất rất lớn. Hãy làm mát chúng bằng nước.

6. Biện pháp chống rò rỉ**6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình.**

Sử dụng kính bảo vệ mắt.

6.2. Biện pháp bảo vệ

Có nắp niêm phong chống tràn.

6.3. Cách ngăn chặn rò rỉ và lau chùi

Dùng nước để hòa tan và/hoặc rửa sạch dung dịch tràn.

6.4. Tham khảo các mục khác

Thông tin thêm ở các mục 4, 5, 8 và 13.

7. Phân phối và bảo quản**7.1. Các biện pháp phòng ngừa cho an toàn phân phối**

Tránh làm đổ và lau dọn ngay lập tức khi xảy ra (Đối với công nghiệp và chuyên nghiệp)

7.2. Điều kiện bảo quản an toàn

Đậy kín vật chứa khi không sử dụng

7.3. Sản phẩm cuối cùng

Xem trên tờ rơi sản phẩm.

8. Bảo vệ con người

8.1. Nhóm người khuyến cáo tránh tiếp xúc: Không

8.2. Điều kiện an toàn

Đối với hệ hô hấp: Thông gió bình thường.

Đối với da: Khi tiếp xúc với da nhiều lần kéo dài, nên sử dụng găng tay chống thấm nước để tránh khô da và kích ứng xảy ra.

Đối với mắt: Kính bảo hộ được khuyến dùng

9. Thông số hóa lý

9.1. Các thông số cơ bản

Hình dạng:	Chất lỏng không màu
Ngưỡng mùi:	Không có mùi
Độ pH:	6.5 đến 7.5 (Trung tính)
Nhiệt độ đông:	~ 32°F (0°C)
Nhiệt độ sôi:	~ 212°F (100°C)
Điểm chớp cháy:	Không
Sự bốc hơi:	Không có sẵn
Khả năng cháy:	Sản phẩm không dễ cháy
Giới hạn cháy hoặc nổ:	Không
Áp suất thể khí:	18 mmHg tại 72°F (22°C)
Mật độ khí:	0.9 - 1.1 (Không khí là 1)
Trọng lượng riêng:	1.0 (Nước H ₂ O là 1)
Độ hòa tan trong nước:	Tan hoàn toàn
Hệ số phân tán trong nước:	Không có sẵn
Nhiệt độ tự bốc cháy:	Không áp dụng
Nhiệt độ phân hủy:	Không có sẵn

9.2. Các thông số khác:

Chất bay hơi (% khối lượng): 95%

Lượng chất hữu cơ bay hơi: 0g/l

10. Độ ổn định và phản ứng hóa học

10.1. Phản ứng hóa học

Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.2. Tính ổn định hóa học

Ổn định

10.3. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Không có

10.4. Các điều kiện cần tránh

Không có

10.5. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

CO₂ và CO

11. Thông tin các chất độc

11.1. Thông tin về tác dụng độc học

Độc tính cấp tính

Tiếp xúc với mắt:

tiếp xúc trực tiếp với mắt có thể gây kích ứng mắt

Tiếp xúc với da:

Sản phẩm này có nguy cơ gây kích ứng da thấp, không phải là một chất nhạy cảm cho da.

Phế quản (hệ hô hấp):

Không có chất gây hại trong hơi nước từ sản phẩm nếu hít phải

Thực quản (hệ tiêu hóa):

Không có tác dụng độc đối với thực quản.

Phơi nhiễm mãn tính:

Độc tính sinh sản: Không

Gây đột biến: Không

Gây quái thai: Không

Sản phẩm độc: Không

Tình trạng gây ung thư: Chất này, và các thành phần của nó chưa được xác định là chất gây ung

thư

12. Thông tin về sinh thái

- 12.1. Độc tính sinh thái: Không có thông tin
12.2. Khả năng phân hủy: Dự kiến có khả năng phân hủy sinh học
12.3. Tiềm năng tích lũy sinh học: Không có thông tin
12.4. Tính cơ động trong đất: Không có thông tin
12.5. Những kết quả đánh giá của PBT và vPvB Sản phẩm này không chứa PBT/vPvB
12.6. Các ảnh hưởng bất lợi khác Không có thông tin

13. Yêu cầu trong việc thải bỏ

Tuân thủ theo quy định hiện hành tại Quốc gia và Địa phương nơi sử dụng sản phẩm

14. Yêu cầu về vận chuyển

- Số UN:** Không được liệt kê
Tên vận chuyển theo UN: Không áp dụng
Các mối nguy hiểm khi vận chuyển: Không áp dụng
Nhóm đóng gói: Không áp dụng
Mối nguy hiểm môi trường: Không xác định
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt: Không xác định
TDG: Không quy định
ICAO / IATA-DGR: Không quy định
IMDG: Không quy định
ADR / RID: Không quy định

15. Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

- 15.1. Quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cho thành phần chất hay hỗn hợp

Liên bang và Tiểu bang Hoa Kỳ

Tất cả các thành phần được liệt kê trên bảng kiểm kê TSCA

Các mục gây hại theo tiêu chuẩn SARA mục 311/312	Sắc nhọn	Bệnh mãn tính	Bốc cháy	Áp suất	Phản ứng
	Không	Không	Không	Không	Không

CERCLA / SARA Sec 302

SARA Sec. 313

Giải phóng độc tố

Các thành phần

Chất nguy hiểm RQ

EHS TPQ

Các thành phần không vi phạm các điều luật của Quỹ hưu trí nào.

Xếp hạng NFPA: Sức khỏe: 0
 Bốc cháy: 0
 Phản ứng: 0

Xếp hạng nguy cơ của Hiệp hội Phòng cháy chữa cháy Quốc gia (NFPA) được thiết kế để công nhân ứng cứu khẩn cấp sử dụng trong trường hợp tràn, cháy hoặc các trường hợp khẩn cấp tương tự. Xếp hạng nguy hiểm dựa trên các đặc tính vật lý và độc hại của nguy cơ cháy nổ và biến đổi chất.

Dự luật 65 của California

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào đã được Tiểu bang California xác định là gây ung thư, dị tật bẩm sinh hay bất kỳ tác hại sinh sản khác hoặc đã được đánh giá là dưới mức phơi nhiễm của Luật OEHHA yêu cầu đối với thương hiệu.

Liên minh Châu Âu

Sản phẩm tuân thủ các yêu cầu giao tiếp của Quy định REACH (EC) số 1907/2006. Tất cả các thành phần được liệt kê trong Bảng kiểm kê các chất hóa học hiện có của Châu Âu (EINECS). Không chứa chất trên đạt tiêu chuẩn $\geq 0,1\%$ SCL. Không chứa các chất được thông báo từ Danh sách ELINCS, Chỉ thị 92/32/EEC. Không chứa các chất đạt ngưỡng các hạn chế của Phụ lục XVII Annex

Canada

Tất cả các thành phần được liệt kê trên kho DSL.
 Sản phẩm này đã được phân loại theo tiêu chí nguy hiểm của CPR và SDS chứa tất cả thông tin yêu cầu của CPR.

Châu Úc

Tất cả các thành phần được liệt kê trên AICS.
 Không bị coi là nguy hiểm theo tiêu chí NOHSC tại Australia.

15.2. Đánh giá an toàn hóa chất

Không có đánh giá an toàn hóa chất nào được thực hiện bởi nhà cung cấp

16. Các thông tin khác

Các cụm từ viết tắt

OSHA = Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp

CLP = Quy định về Phân loại, Ghi nhãn và Đóng gói

STOT = Độc tính đặc trưng tại nội tạng

LD 50 = Liều gây chết trung bình

DNEL = Ngưỡng mức không có sự tác động

ACGIH = Hội nghị các sinh thái công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ

TSCA = Đạo luật kiểm soát các chất độc hại (Hoa Kỳ)

DSL = Danh sách các chất trong nước (Canada)

AICS = Kiểm kê Các chất Hóa học của Úc

Báo cáo chất nguy hiểm

H320

Gây kích ứng mắt

Thông tin và các khuyến nghị từ tài liệu này được cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, nhà cung cấp không có bất kỳ sự bảo đảm một cách chủ quan và khách quan nào về hiệu quả của sản phẩm này. Người mua phải xác định điều kiện an toàn khi sử dụng và chịu mọi rủi ro, có trách nhiệm bảo đảm thỏa mãn các yêu cầu của pháp luật liên quan khi sở hữu sản phẩm.